

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2025

Về việc: “Tranh chấp ly hôn
và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiện

2. Ông Danh Đẹp

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Lý Khang- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Tiên- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2025/QĐXX-HNGĐ, ngày 10 tháng 9 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 17/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T**, sinh ngày ...

Địa chỉ: Ấp P, xã T, tỉnh A.

2. Bị đơn: Anh **Trương Hoàng D**, sinh năm...

Địa chỉ: Ấp P, xã T, tỉnh A.

(Tại phiên tòa, chị T có mặt, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2025 của chị Trần Thị T, bản tự khai của chị Trần Thị T, nội dung phiên không hòa giải được ngày 19/8/2025, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung như sau:

** Chị Trần Thị T trình bày:*

Sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, tôi cùng anh Trương Hoàng D đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào năm 2011 và đã được UBND xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Nay là xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 176/2011.

Trong quá trình chung sống, chúng tôi có ba người con chung là các cháu Trương Hoàng Vỹ, sinh ngày 29/7/2010, Trương Bảo Thy, sinh ngày 22/4/2012,

Trương Bảo Anh, sinh ngày 26/01/2022 đang do anh Trương Hoàng D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không có tài sản chung; không có nợ chung.

Thời gian đầu chung sống vợ chồng thì chúng tôi hạnh phúc, nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn về kinh tế không thể hàn gắn được nên chúng tôi đã ly thân hơn 10 tháng nay.

Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Cho tôi được ly hôn với anh Trương Hoàng D.
- Về con chung: Tôi đồng ý cho anh Trương Hoàng D được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Trương Hoàng Vỹ, Trương Bảo Thy, Trương Bảo Anh cho đến khi cháu Trương Hoàng Vỹ, cháu Trương Bảo Thy, cháu Trương Bảo Anh tròn 18 tuổi; Tôi không cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang) đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Trương Hoàng Duy theo quy định của pháp luật nhưng anh Trương Hoàng D không hợp tác nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh Trương Hoàng D.

* *Tại phiên tòa*, chị Trần Thị T vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, yêu cầu nêu trên.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng (Nguyên đơn) trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T; không xem xét về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung giữa chị Trần Thị T và anh Trương Hoàng D do chị T, anh D không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Vào năm 2010, chị Trần Thị T và anh Trương Hoàng D thiết lập quan hệ vợ chồng. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 19/6/2025, chị Trần Thị T gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang) yêu cầu được ly hôn với anh Trương Hoàng D và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung giữa chị T và anh D. Anh Trương Hoàng D có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp P, xã T, tỉnh A. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Trương Hoàng D không có yêu cầu phản tố. Do đó, Tòa án xác

định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang theo các quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

1.2. Về Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Trước ngày 10/9/2025, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang) không nhận được Quyết định phân công Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang) nên Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10/9/2025 với tên Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là ông Lê Hoàng Anh và Quyết định này đã được tổng đạt cho đương sự, không thể thu hồi. Ngày 12/9/2025, Tòa án mới nhận được Quyết định phân công Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang. Do đó, việc đề tên Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là ông Lê Hoàng Anh trên Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10/9/2025 hoàn toàn không có lỗi của Thẩm phán giải quyết vụ án. Theo các Quyết định phân công Kiểm sát viên số 325/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 15/7/2025, số 86/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 11/9/2025 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang (BL 38, 39), Kiểm sát viên Trương Thị Mỹ Tiên tham gia phiên tòa hôm nay.

1.3. Về việc vắng mặt anh Trương Hoàng D tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang) đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10/9/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 17/9/2025 cho anh Trương Hoàng D theo quy định của pháp luật, anh Trương Hoàng D vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng, được sự thống nhất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và chị Trần Thị T, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trương Hoàng D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T:

Tuy anh Trương Hoàng D không cung cấp bản tự khai cho Tòa án, không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án theo yêu cầu của Tòa án, nhưng qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả xác minh, Tòa án đủ cơ sở xác định:

2.1. Về hôn nhân: Vào năm 2010, chị Trần Thị T và anh Trương Hoàng D đi đến hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào năm 2011 và đã được UBND xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Nay là xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 176/2011, quyển số 01/2011 nên theo quy định tại các Điều 9, 11, 12, 13, 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Trương Hoàng D là hôn nhân hợp pháp.

Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên chị Trần Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Trương Hoàng D. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Trương Hoàng D không hợp tác mặc dù Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải giữa anh Trương Hoàng D và chị Trần Thị T nhiều lần- Chứng tỏ anh D không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị T. Tại phiên tòa, chị T vẫn yêu cầu được ly hôn với anh D. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Trương Hoàng D.

2.2. Về con chung và người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Chị Trần Thị T và anh Trương Hoàng D có ba người con chung là các cháu Trương Hoàng Vỹ, sinh ngày 29/7/2010, Trương Bảo Thy, sinh ngày 22/4/2012, Trương Bảo Anh, sinh ngày 26/01/2022 (BL 03-05).

Xét rằng: Anh Trương Hoàng D đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Vỹ, Thy, Bảo Anh từ khi chị T và anh D ly thân cho đến nay (BL 34). Căn cứ vào các Điều 92, 93, 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, ý kiến của chị T và nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, ổn định về tình cảm, tâm lý của các cháu Vỹ, Thy, Bảo Anh, Tòa án chấp nhận cho anh Trương Hoàng D được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Trương Hoàng Vỹ, Trương Bảo Thy, Trương Bảo Anh cho đến khi cháu Trương Hoàng Vỹ, cháu Trương Bảo Thy, cháu Trương Bảo Anh tròn 18 tuổi.

2.3. Về việc cấp dưỡng nuôi các cháu Trương Hoàng Vỹ, Trương Bảo Thy, Trương Bảo Anh: Trong vụ án này, anh Trương Hoàng D không hợp tác, không cung cấp văn bản nêu ý kiến, yêu cầu của anh Duy về các vấn đề có liên quan đến vụ án mặc dù Tòa án đã yêu cầu anh D cung cấp- Việc này được xem là anh D từ chối quyền lợi chính đáng của anh D trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án. Do đó, nếu có tranh chấp với chị Trần Thị T về việc cấp dưỡng nuôi các cháu Trương Hoàng Vỹ, Trương Bảo Thy, Trương Bảo Anh về sau, thì anh D có thể khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

2.4. Người trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để người không trực tiếp nuôi con được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trường hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của người con, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.5. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về hướng giải quyết vụ án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Chị Trần Thị T phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Trần Thị T phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Trần Thị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00010763, ngày 20/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang), chị Trần Thị T không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Trương Hoàng D không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 9, 11, 12, 13, 14, 85, khoản 1 Điều 89, các Điều 91, 92, 93 và 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Trương Hoàng D.

2- Về con chung:

2.1- Cho anh Trương Hoàng D được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Trương Hoàng Vỹ, sinh ngày 29/7/2010, Trương Bảo Thy, sinh ngày 22/4/2012, Trương Bảo Anh, sinh ngày 26/01/2022 cho đến khi cháu Trương Hoàng Vỹ, cháu Trương Bảo Thy, cháu Trương Bảo Anh tròn 18 tuổi.

2.2- Chị Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trương Hoàng D không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

4- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

5- Về án phí:

5.1. Chị Trần Thị T phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Trần Thị T phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Trần Thị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00010763, ngày 20/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang), chị Trần Thị T không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5.2. Anh Trương Hoàng D không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6- Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án (25/9/2025); anh Trương Hoàng D có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 3, tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang (khi án có hpl);
- UBND xã Thanh Lộc, tỉnh An Giang (khi án có hpl);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hương